

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu Khám sức khỏe tổng quát cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Phát hành ngày : ____/____/2026

Ban hành kèm theo Quyết định : Số 2670/QĐ-CNNL ngày 08/4/2026

Chủ đầu tư
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ CHÍ THANH

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Gói thầu	Khám sức khỏe tổng quát cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam
E-TBMT	Thông báo mời thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VNĐ	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư “Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam” phát hành bộ Hồ sơ mời thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Tên gói thầu: Khám sức khỏe tổng quát cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Nội dung, khối lượng công việc: Tổng số Cán bộ nhân viên khám dự kiến (Thời điểm tháng 2/2026): 523 người. Trong đó:

+ Số lượng Nam Cán bộ nhân viên là: 295 người;

+ Số lượng Nữ Cán bộ nhân viên là: 228 người.

- Nguồn vốn: Chi phí Quản lý Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Thủ tục chọn mua thêm: Không áp dụng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.

3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu;

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;

c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

- b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;
- c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
- d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
- đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;
- b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;
- c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;
- d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;
- đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định HSMST, HSMT; đánh giá HSDST, HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;
- e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;
- g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

- a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;
- b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai theo quy định;
- c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;
- d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Hạch toán tài chính độc lập;

b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, tại số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên: Không áp dụng.

- Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.

- Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i ;

Y_i : Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;

n : Số thành viên tham gia trong liên danh.

- Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 3.1.

Mục 4. Sửa đổi, làm rõ HSMT

1. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp, Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

2. Làm rõ HSMT

Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại khoản 1 Mục 4 chương này.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong đấu thầu

1. Chi phí dự thầu: Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

2. Đồng tiền dự thầu: Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.

3. Ngôn ngữ của HSDT: HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT phải bao gồm các thành phần sau:

1. Đơn dự thầu theo *Mẫu số 02* Chương III – Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo *Mẫu số 04* Chương III – Biểu mẫu;
3. Bảo lãnh dự thầu theo *Mẫu số 05A* hoặc *Mẫu số 05B* Chương III – Biểu mẫu;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
5. Bảng giá dự thầu theo *Mẫu số 11* Chương III – Biểu mẫu;
6. Các nội dung khác theo quy định của HSMT.

Mục 7. Giá dự thầu và giảm giá

1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.

b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 của HSMT.

2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Thời hạn có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu theo E-TBMT, HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo lãnh dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo lãnh dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên hệ thống.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: Thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành (áp dụng theo Mẫu thư bảo đảm dành cho Nhà thầu độc lập theo quy định tại HSMT này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu).

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 9.2; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 9.4 thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên

danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 9.2. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 9.4 thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo lãnh dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo lãnh dự thầu: **73.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu đồng).

Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu: **≥ 120 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.

4. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 21 CDNT;

c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 25 CDNT;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng quy định của pháp luật dân sự.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại **Mẫu số 03** Chương III – Biểu mẫu.

2. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nộp HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.

2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.

3. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu.

4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.

Mục 12. Mở thầu

1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời điểm hoàn thành mở thầu;
- Tổng số nhà thầu tham dự.

b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá);

- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.

4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu.

5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 13.1 CDNT.

6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

7. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.

14. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung

Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:

1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;
2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;
3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.

15. Xác định tính đáp ứng của HSDT

1. Bộ phận mua sắm sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 6 CDNT.

2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:

a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ, hàng hóa được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;

b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.

3. Bộ phận mua sắm phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định của HSMT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.

4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.

16. Sai sót không nghiêm trọng

1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT thì Chủ đầu tư có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.

2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Chủ đầu tư, Bộ phận mua sắm có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Chủ đầu tư thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, Bộ phận mua sắm điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.

Mục 17. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

Mục 18. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng.

Mục 19. Đánh giá HSDT

1. Bộ phận mua sắm áp dụng phương pháp đánh giá HSDT theo quy định sau:

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt;
- Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt;
- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá tại Mục 1, Bộ phận mua sắm chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá HSDT.

3. **Quy trình 1** (áp dụng đối với phương pháp “Giá thấp nhất”).

Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính;

Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và thực hiện theo quy định việc so sánh, xếp hạng HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có);

Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Chủ đầu tư lập danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Mục 4 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất):

Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bộ phận mua sắm tiến hành đánh giá HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.

Trường hợp HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

5. Nguyên tắc đánh giá HSDT:

Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của HSMT thì sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

Trường hợp thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên file scan tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng

yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;

Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng phải chuẩn bị các tài liệu (bản gốc hoặc bản sao y công chứng/xác nhận) để đối chiếu tài liệu, chứng minh tài liệu với những Hồ sơ đã đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 20. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

4. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Mục 21. Hủy thầu

1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:

a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;

b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMT;

c) HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;

d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 21.1) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 1, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.

Mục 22. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT;
- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu;

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Mã số thuế;
- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Điểm kỹ thuật (nếu có);
- Giá đánh giá (nếu có);
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu.
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà

thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 21.1, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.

Mục 23. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào làm việc liên quan đến hợp đồng (bao gồm đối chiếu tài liệu).

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 24. Thay đổi khối lượng dịch vụ

1. Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu tại Mẫu số 01 Chương III với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSDT.

2. Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

Mục 25. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức: Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 7 Chương V - Dự thảo hợp đồng kèm HSMT này. Nhà thầu sử dụng thư bảo đảm thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 13 Chương V hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 27. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo

quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Văn phòng Tập đoàn, Tầng 10, số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội, fax: 024-38265942, điện thoại liên hệ: 024-38252526.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Đỗ Chí Thanh, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, fax: 024-38265942, điện thoại liên hệ: 024-38252526.

c) Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Văn phòng Tập đoàn, tầng 10, số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội, fax: 024-38265942, điện thoại liên hệ: 024-38252526.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh, phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo **Mẫu số 04** Chương III – Biểu mẫu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu của hàng hóa và dịch vụ liên quan quy định tại **Mẫu số 11** Chương III – Biểu mẫu và không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này. Trường hợp phạm vi cung cấp chỉ bao gồm một đơn vị hàng hóa (một chiếc, một cái...) và không có dịch vụ liên quan thì nhà thầu không được liên danh với nhà thầu khác; trường hợp nhà thầu vẫn liên danh thì thỏa thuận liên danh được coi là không hợp lệ, nhà thầu sẽ bị loại;
 2. Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;
 3. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;
 4. Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – CDNT;
 5. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 9.3 Chương I. Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT. Thư bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại **Mẫu số 05A**, **Mẫu số 05B** Chương III – Biểu mẫu).
 6. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo **Bảng số 01** Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ

trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VNĐ thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VNĐ để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của theo tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Bảng số 01

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (năm 2025).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất (2023, 2024, 2025) so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 4,9 tỷ VNĐ (Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm triệu đồng).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự*	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Hợp đồng khám sức khỏe định kỳ cho cơ quan, tổ chức và tổ chức dịch vụ khám sức khỏe; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 1,5 tỷ VNĐ. (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm triệu đồng)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07A, 07B và 07C Chương III - Biểu mẫu để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây (Bảng số 02):

Bảng số 02

STT	Vị trí công việc	Số lượng (Tối thiểu)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Trình độ chuyên môn
1	Bác sỹ phân loại kết luận ký hồ sơ khám sức khỏe	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ trở lên; - Có chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh. Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT

2	Bác sỹ khám Tai – Mũi – Họng	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa về Tai – Mũi – Họng; Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh chuyên khoa Tai – Mũi – Họng. Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
3	Bác sỹ khám Răng - Hàm - Mặt	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa về Răng - Hàm - Mặt; Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt. Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
4	Bác sỹ khám Mắt	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa về Mắt; Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh về Mắt. Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
5	Bác sỹ khám da liễu và ngoại	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa về da liễu; Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh về da liễu. Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT

6	Bác sỹ khám sản phụ khoa	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	- Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa về sản khoa; - Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh về sản phụ khoa. - Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
7	Bác sỹ chuyên khoa xét nghiệm	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	- Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa xét nghiệm; - Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh về chuyên khoa xét nghiệm. - Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
8	Kỹ thuật viên xét nghiệm	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	- Trình độ: Cao đẳng trở lên, chuyên ngành xét nghiệm - Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
9	Bác sỹ siêu âm	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	- Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa Chuẩn đoán hình ảnh; - Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh về chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh. - Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT

10	Bác sỹ Xquang	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa Chuẩn đoán hình ảnh; Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh và chữa bệnh về chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh. Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
11	Kỹ thuật viên Xquang	05	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Cao đẳng trở lên, chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh/Xquang; Có chứng chỉ hành nghề chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh/Xquang. Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
12	Bác sỹ đọc kết quả điện tim	03	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Bác sỹ chuyên khoa phù hợp; Có chứng chỉ hành nghề chuyên ngành phù hợp Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT
13	Điều dưỡng viên (đo chỉ số sinh tồn, lấy mẫu xét nghiệm, siêu âm, đo điện tim, đo mật độ xương)	10	Tối thiểu 3 năm kinh nghiệm hoặc Tối thiểu 02 hợp đồng	Trình độ: Cao đẳng trở lên, chuyên ngành điều dưỡng; Có chứng chỉ hành nghề chuyên ngành điều dưỡng viên Nhà thầu scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan đính kèm khi nộp HSDT

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị chủ yếu được đề xuất theo **Mẫu số 07D** Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây (Bảng số 3):

Bảng số 03

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy đo huyết áp Công suất $\geq 45s/lần\ đo$ Sản xuất từ năm 2019 đến nay	05
2	Máy Xquang thẳng ngực Giấy kiểm định an toàn bức xạ còn hiệu lực Sản xuất từ năm 2019 đến nay	02
3	Máy đo điện tim Máy đo điện tim 6 cần Sản xuất từ năm 2019 đến nay	04
4	Máy siêu âm Siêu âm tổng quát 2D, 4D siêu âm doppler màu Sản xuất từ năm 2019 đến nay	06
5	Máy phân tích huyết học Đo tổng 28 thông số chuẩn và thông số tự chọn Công suất $\geq 100\ mẫu/h$ Sản xuất từ năm 2019 đến nay	01
6	Máy xét nghiệm sinh hóa Công suất $\geq 400\ test/h$ Sản xuất từ năm 2019 đến nay	01
7	Tổng phân tích nước tiểu Công suất $\geq 60\ test/h$ Sản xuất từ năm 2019 đến nay	01
8	Máy xét nghiệm miễn dịch Phân tích miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang Công suất $\geq 60\ test/h$; $\geq 60\ thông\ số$ Sản xuất từ năm 2019 đến nay	01
9	Máy Đo mật độ xương	01
10	Máy Chụp XQ Vú	01

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo **Phương pháp sử dụng tiêu chí “Đạt, Không đạt”**, bao gồm các nội dung sau đây:

HSDT được coi là đáp ứng về mặt kỹ thuật (“Đạt”) khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là “đạt”.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Nhà thầu cung cấp dịch vụ khám sức khỏe với danh mục đúng và đầy đủ như Bảng phạm vi cung cấp dịch vụ	Đáp ứng	Không đáp ứng

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
2	Kế hoạch triển khai	Có đưa ra kế hoạch Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng về thời gian, địa điểm, quy trình tổ chức khám sức khỏe, bao gồm: kế hoạch lấy mẫu xét nghiệm, phân luồng người khám, phương án điều phối, biện pháp đảm bảo an toàn sinh học, xử lý tình huống phát sinh.	Không trình bày hoặc có trình bày nhưng sơ sai hoặc thiếu nội dung cơ bản, bao gồm: kế hoạch lấy mẫu xét nghiệm, phân luồng người khám, phương án điều phối, biện pháp đảm bảo an toàn sinh học, xử lý tình huống phát sinh
3	Bố trí nhân sự	Bố trí nhân sự chi tiết phù hợp với chương trình và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	Không bố trí nhân sự hoặc có bố trí nhân sự thực hiện gói thầu nhưng không cụ thể hoặc chưa phù hợp với chương trình và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ
4	Điều kiện, năng lực khám sức khỏe: - Là Bệnh viện đa khoa hạng I trở lên hoặc tương đương hạng I trở lên. - Trường hợp liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu trên. - Nhà thầu là cơ sở y tế có giấy phép hoạt động hợp pháp; có ít nhất 05 năm kinh nghiệm tổ chức khám sức khỏe định kỳ. (Cung cấp bản công chứng/chứng thực của cơ quan có thẩm quyền các tài liệu chứng minh).	Đáp ứng	Không đáp ứng

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
5	Yêu cầu kết quả đầu ra của dịch vụ: - Dịch vụ được thực hiện đầy đủ các danh mục khám của Chủ đầu tư đưa vào trong hồ sơ thầu. Lập Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ cho mỗi cá nhân tham gia khám theo đúng mẫu thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023. - Lập Bảng tổng kết kết quả khám của toàn thể người tham gia khám, kết luận và đưa ra phương hướng điều trị, nhận xét khuyến cáo và hướng giải quyết về tình hình sức khỏe người lao động. - Quản lý hồ sơ bệnh án điện tử; trả kết quả khám sức khỏe online.	Đáp ứng	Không đáp ứng
6	Tiến độ thực hiện: Thực hiện các nội dung khám và xét nghiệm trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, kèm theo kê đơn, tư vấn cho người tham gia khám.	Đáp ứng	Không đáp ứng
7	Yêu cầu về an toàn, bảo mật, tuân thủ pháp luật - Bảo mật thông tin: Có biện pháp bảo mật hồ sơ sức khỏe, dữ liệu cá nhân theo quy định của Bộ Y tế và Luật An toàn thông tin mạng. - Tuân thủ quy định pháp lý: Nhà thầu cam kết tuân thủ quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp y tế, quy định về an toàn lao động và phòng chống dịch bệnh.	Có cam kết trong HSDT	Không có cam kết trong HSDT
8	Uy tín và năng lực nhà thầu: Không vi phạm các nội dung liên quan đến uy tín của nhà thầu theo quy định Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp nhà thầu có vi phạm thì nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Có cam kết trong HSDT	Không có cam kết trong HSDT

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
	KẾT LUẬN	Đạt tất cả nội dung yêu cầu trên	Không đạt một trong số các nội dung yêu cầu trên

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng phương pháp giá thấp nhất để đánh giá về giá. Cách xác định giá thấp nhất được thực hiện như sau:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi số học, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1.	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2.	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3.	Mẫu số 03. Giấy ủy quyền			X
4.	Mẫu số 04. Thỏa thuận liên danh			X
5.	Mẫu số 05A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)			X
6.	Mẫu số 05B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)			X
7.	Mẫu số 06. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
8.	Mẫu số 07A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
9.	Mẫu số 07B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
10.	Mẫu số 07C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
11.	Mẫu số 07D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
12.	Mẫu số 08. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
13.	Mẫu số 09. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
14.	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
15.	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			X
16.	Mẫu số 12. Bản cam kết thực hiện dịch vụ			X

PHẠM VI CUNG CẤP
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục	Được mô tả chi tiết tại Chương IV – Yêu cầu kỹ thuật				
1	Khám Nội [PK]	Bác sĩ nội đa khoa khám và tư vấn và đọc kết quả	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
2	Nội soi tai mũi họng [PK]	Khám nội soi phát hiện u vòm, dây thanh quản, các bệnh lý về xoang và họng mạn tính	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
3	Khám Mắt [PK]	Đo thị lực và khám dưới kính hiển vi phát hiện các bệnh lý về mắt – tư vấn, phòng và điều trị khi có bệnh lý về mắt	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
4	Khám Răng hàm mặt [PK]	Khám kiểm tra các bệnh lý về răng, hàm, mặt	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
5	Khám Ngoại [PK]	Khám tư vấn ngoại tổng quát, phát hiện hình thái của các cơ quan, bộ phận.	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
6	Khám Da liễu [PK]	Khám kiểm tra các bệnh lý về da liễu	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
7	Khám Phụ sản [PK]	Phát hiện các bệnh lý phụ khoa, ung thư cổ tử cung.... Phát hiện các u xơ, nang bất thường ở vú (Nữ đã quan hệ tình dục)	228	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

8	Siêu âm ổ bụng	KT hình ảnh gan, mật, thận, lách, tử cung, phần phụ với nữ và tiền liệt tuyến với nam	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
9	Siêu âm tuyến giáp	SA trên máy màu, in kết quả đen trắng. Phát hiện kích thước, hình ảnh của các khối bất thường ở tuyến giáp.	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
10	Siêu âm tuyến vú hai bên	SA trên máy màu, in kết quả đen trắng. Phát hiện kích thước, hình ảnh của các khối bất thường ở vú.	228	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
11	Siêu âm Doppler tim	Siêu âm Doppler màu. Phát hiện bất thường cấu trúc tim, đánh giá chức năng tim.	218	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
12	Siêu âm Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ [Siêu âm Doppler động mạch cảnh]	Sàng lọc tình trạng bệnh nhân tắc nghẽn hoặc hẹp động mạch cảnh	218	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
13	Chụp Xquang ngực thẳng [chụp tim phổi thẳng]	Xquang kỹ thuật số, phim được lưu trên web (Phụ nữ có thai hay nghi ngờ có thai không chụp - Chụp khi có chỉ định của Bác sĩ)	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
14	Điện tim	Kỹ thuật thăm dò chức năng - phát hiện các dấu hiệu bệnh lý về tim mạch	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
15	Vi nấm soi tươi (Soi tươi dịch âm đạo) & Vi khuẩn nhuộm soi [soi tươi dịch âm đạo]	Chẩn đoán các bệnh lý viêm nhiễm âm đạo: vi khuẩn, nấm... Chỉ thực hiện khi khám phụ khoa	228	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

16	XN tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	Dành cho nữ giới, đã lập gia đình, thực hiện khi khám Phụ khoa – Phát hiện sớm ung thư cổ tử cung - Áp dụng cho cán bộ Nữ đã quan hệ tình dục - Không làm với phụ nữ có thai (chỉ thực hiện khi khám phụ khoa)	228	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
17	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Phân tích 11 thông số: Các bệnh đái tháo đường, nhiễm xetonic, đái nhạt, bệnh lý gan thận, , bệnh viêm tắc đường tiết niệu, đái máu...phát hiện sớm ngộ độc thai nghén	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
18	Định lượng Creatinin niệu + Định lượng MAU (Micro Albumin Arine) [niệu] + Tỷ lệ UACR	Sàng lọc sớm bệnh thận mạn	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
19	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	Phân tích 24 thông số....phát hiện các bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu, thiếu máu, suy tủy, ung thư máu...sốt do nhiễm trùng, do virus...	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
20	Định lượng Glucose [Máu]	Xác định mức độ đường trong máu	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
21	Định lượng HbA1c [Máu]	Chẩn đoán và theo dõi bệnh đái tháo đường	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
22	Định lượng (Ure - Creatinin) [Máu] Renal function	Chức năng thận- phát hiện các bệnh lý về thận....	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

23	Đo hoạt độ (GOT – GPT) [Máu] Liver function	Chức năng gan: viêm gan cấp, mãn tồn thương nhu mô gan...	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
24	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Chức năng gan: đánh giá viêm gan do rượu, tổn thương tế bào gan...	295	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
25	Định lượng (Cholesterol, HDL-C, LDL-C, Triglycerit) [Máu] Lipid profile	Xác định tỷ lệ mỡ trong máu: phát hiện hội chứng rối loạn chuyển hóa Lipid, nguy cơ xơ vữa động mạch, tăng huyết áp, nhồi máu cơ tim....	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
26	Định lượng (Calci toàn phần, Calci ion hóa) [Máu]	Đánh giá liên quan đến chức năng tuyến cận giáp và chuyển hóa canxi	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
27	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]	Xét nghiệm dấu ấn ung thư tuyến giáp	157	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
28	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]	Xét nghiệm dấu ấn ung thư tuyến giáp	157	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
29	Định lượng Ferritin	Xác định nồng độ sắt trong cơ thể	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
30	Định lượng sắt huyết thanh	Xác định nồng độ sắt trong cơ thể	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
31	Định lượng Acid Uric [Máu]	Xác định bệnh Gout – bệnh lý về khớp	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
32	HBsAg miễn dịch tự động	Xác định viêm gan B	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
33	HBsAb định lượng	Xác định kháng thể viêm gan B	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

34	HCV Ab miễn dịch tự động	Xác định Viêm gan C	523	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
35	Định lượng 25OH Vitamin D (D3) [Máu]	Định lượng Vitamin D áp dụng cho nữ ≤ 55 Tuổi	207	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
36	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí]	Đo bằng phương pháp DXA: Hấp thụ tia X năng lượng kép – cho phép đánh giá MDX ở các xương trung tâm – Cổ xương đùi và cột sống thắt lưng - đây là tiêu chuẩn vàng để chẩn đoán loãng xương do tổ chức Y tế thế giới công nhận. áp dụng cho CB>=45 tuổi - Không làm với phụ nữ có thai	352	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
37	Chụp Xquang tuyến vú [2 bên]	Áp dụng cho cán bộ >= 40 tuổi, < 40 tuổi theo chỉ định Bác sĩ	228	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
38	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	XN dấu ấn ung thư đường tiêu hóa	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
39	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	XN dấu ấn ung thư tiền liệt tuyến dành cho CBNV trên 45 tuổi	219	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
40	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	XN dấu ấn ung thư Gan	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

41	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [Máu]	XN dấu ấn ung thư vú	228	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
42	Định lượng CA ¹²⁵ (cancer antigen 125) [Máu]	XN dấu ấn ung thư buồng trứng	228	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
43	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	XN dấu ấn ung thư tụy, mật	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
44	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu]	XN dấu ấn ung thư dạ dày	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
45	Định lượng Cyfra 21- 1 [Máu]	XN dấu ấn ung thư phổi	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
46	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]	XN dấu ấn ung thư vòm	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
47	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Chức năng tuyến giáp	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
48	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Chức năng tuyến giáp	305	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
49	Định lượng Testosterol [Máu]	Hormone sinh dục Nam giới	219	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

50	Định lượng Estradiol [Máu]	Xét nghiệm Hormone	219	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
51	Xét nghiệm giải trình tự gen phát hiện CTDNA từ tế bào ung thư, tầm soát 10 loại ung thư phổ biến nhất (Vú, Phổi, Gan, Dạ dày, Đại - trực tràng)	Hỗ trợ tầm soát phát hiện sớm 10 loại ung thư (Vú, Phổi, Gan - Đường mật, Dạ dày, Đại trực tràng, Thực Quản, Nội mạc tử Cung, Buồng Trứng, Tụy, Đầu - Cổ 2) dựa trên ctDNA (1) phóng thích từ khối u.	218	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
52	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence) [PIVKA II]	Xét nghiệm phát hiện sớm ung thư biểu mô gan (Áp Dụng cho cán bộ có tiền sử Viêm gan B dương tính)	105	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
53	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết [tiền mê]	Theo chỉ định của Bác sỹ	52	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
54	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	Theo chỉ định của Bác sỹ	52	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

55	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết [tiền mê]	Theo chỉ định của Bác sỹ	52	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
56	Nội soi dạ dày tiền mê + Nội soi Đại Tr tràng tiền mê	Theo chỉ định của Bác sỹ	52	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
57	HBV đo tải lượng hệ thống tự động	Theo chỉ định của Bác sỹ (Áp dụng cho cán bộ bị Viêm gan B hoặc HBsAg(+))	52	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày
58	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u (từ 1-32 dãy) [không tiêm thuốc cản quang]	Theo chỉ định của Bác sỹ (Sàng lọc chuyên sâu các bệnh lý về phổi)	52	Người	Thành phố Hà Nội	60 ngày

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: ____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu];

Bảo đảm dự thầu: ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: ____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.
8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Chủ đầu tư, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với **Mẫu số 01** chương này.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo **Mẫu số 03** Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo **Mẫu số 03** Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo **Mẫu số 04** Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____ [Ghi tên thành viên liên danh]

Số đăng ký doanh nghiệp: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____ [Ghi tên thành viên liên danh]

Số đăng ký doanh nghiệp: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ n: _____ [Ghi tên thành viên liên danh]

Số đăng ký doanh nghiệp: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

- [- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/ E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/ E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa

thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 9.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 9.2 CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 9.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]*⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên]*

danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 9.4 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 9.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong HSDT đáp ứng yêu cầu của HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 9.2 CDNT.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam

kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 9.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận, không được thay thế nhân sự và bị loại.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự					Công việc hiện tại						
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chức chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình thương thảo hợp đồng.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương II

- ☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.
- ☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ <i>(nhà thầu điền nội dung này)</i>		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm <i>(không bao gồm thuế VAT)</i>			
Doanh thu bình quân hằng năm <i>(không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾</i>			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Ghi chú: (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. (2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp. Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT). Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính. Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm			

thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Ghi theo thông tin quy định tại Mẫu số 01 Chương III, phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật.
- Cột (8): Ngày/thời hạn hoàn thành do nhà thầu đề xuất.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...	...					...
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5): Ghi theo thông tin quy định tại Mẫu số 01 Chương III, phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật.

Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Cột (7): Do nhà thầu tính toán và điền.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu, văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ mời thầu do ____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực và kinh nghiệm; đủ khả năng thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của HSMT, cụ thể:

- Yêu cầu về an toàn, bảo mật, tuân thủ pháp luật:
 - + Bảo mật thông tin: Có biện pháp bảo mật hồ sơ sức khỏe, dữ liệu cá nhân theo quy định của Bộ Y tế và Luật An toàn thông tin mạng.
 - + Tuân thủ quy định pháp lý: Nhà thầu cam kết tuân thủ quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp y tế, quy định về an toàn lao động và phòng chống dịch bệnh.
- Uy tín và năng lực nhà thầu: Không vi phạm các nội dung liên quan đến uy tín của nhà thầu theo quy định Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp nhà thầu có vi phạm thì nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Tên gói thầu: Khám sức khỏe tổng quát cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.
- Tên Chủ đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.
- Địa điểm thực hiện: Tại địa điểm khám của Nhà thầu (Ngoài trừ công tác lấy mẫu xét nghiệm).
- Thời gian thực hiện: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: Chi phí quản lý Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

2. Mục tiêu công việc:

Nhằm đảm bảo nhu cầu làm việc cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, cũng như đánh giá được tình hình sức khỏe hiện tại và phát hiện sớm những rủi ro tiềm ẩn về sức khỏe để có phương án khám, chữa kịp thời.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

- Nhà thầu đủ điều kiện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện khám sức khỏe theo tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế;
- Đội ngũ Bác sĩ, Kỹ thuật viên lành nghề, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn đối với từng nội dung khám theo yêu cầu của HSMT;
- Phạm vi công việc, cơ sở vật chất và thiết bị y tế thực hiện việc khám sức khỏe phải đầy đủ, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chuyên môn đối với từng nội dung khám của gói thầu này. Máy móc, trang thiết bị phải đồng bộ, hiện đại.
- Yêu cầu về đầu ra: Mỗi CBNV tham gia khám sức khỏe đều được khám sức khỏe và trả kết quả. Kết quả thể hiện đúng tình trạng sức khỏe chung và chức năng của cơ quan trong cơ thể. Phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ về sức khỏe, từ đó hướng dẫn tư vấn, theo dõi và điều trị kịp thời.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả khám sức khỏe. Trường hợp có kết quả khám bất thường, trong hồ sơ khám ngoài phần kết luận, nhà thầu phải có trách nhiệm tư vấn về cách điều trị cho các cá nhân đó và chuyển giao toàn bộ hồ sơ và kết quả.
- Đảm bảo cho cán bộ nhân viên của Chủ đầu tư khi đi khám được hướng dẫn tận tình, khám các hạng mục đã đăng ký trong khoảng thời gian nhanh gọn, hợp lý;

3.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Danh mục khám chi tiết nội dung khám sức khỏe đối với Cán bộ nhân viên:

TT	Danh mục	Chi tiết	Nam	Nữ	Số lượng	Ghi chú
Khám lâm sàng - Tổng quát						
1	Khám Nội [PK]	Bác sĩ nội đa khoa khám và tư vấn và đọc kết quả	x	x	523	
2	Nội soi tai mũi họng [PK]	Khám nội soi phát hiện u vòm, dây thanh quản, các bệnh lý về xoang và họng mạn tính	x	x	523	

3	Khám Mắt [PK]	Đo thị lực và khám dưới kính hiển vi phát hiện các bệnh lý về mắt – tư vấn, phòng và điều trị khi có bệnh lý về mắt	x	x	523	
4	Khám Răng hàm mặt [PK]	Khám kiểm tra các bệnh lý về răng, hàm, mặt	x	x	523	
5	Khám Ngoại [PK]	Khám tư vấn ngoại tổng quát, phát hiện hình thái của các cơ quan, bộ phận.	x	x	523	
6	Khám Da liễu [PK]	Khám kiểm tra các bệnh lý về da liễu	x	x	523	
7	Khám Phụ sản [PK]	Phát hiện các bệnh lý phụ khoa, ung thư cổ tử cung.... Phát hiện các u xơ, nang bất thường ở vú (Nữ đã quan hệ tình dục)		x	228	Áp dụng cho CBNV Nữ
Khám cận lâm sàng						
8	Siêu âm ổ bụng	KT hình ảnh gan, mật, thận, lách, tụy, bàng quang, tử cung phần phụ với nữ và tiền liệt tuyến với nam	x	x	523	
9	Siêu âm tuyến giáp	SA trên máy màu, in kết quả đen trắng. Phát hiện kích thước, hình ảnh của các khối bất thường ở tuyến giáp.	x	x	523	
10	Siêu âm tuyến vú hai bên	SA trên máy màu, in kết quả đen trắng. Phát hiện kích thước, hình ảnh của các khối bất thường ở vú.		x	228	Áp dụng cho CBNV Nữ
11	Siêu âm Doppler tim	Siêu âm Doppler màu. Phát hiện bất thường cấu trúc tim, đánh giá chức năng tim.	x	x	218	Áp dụng ≥ 50 Tuổi
12	Siêu âm Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ [Siêu âm Doppler động mạch cảnh]	<u>Sàng lọc tình trạng bệnh nhân tắc nghẽn hoặc hẹp động mạch cảnh</u>	x	x	218	Áp dụng ≥ 50 Tuổi
13	Chụp Xquang ngực thẳng [chụp tim phổi thẳng]	Xquang kỹ thuật số, phim được lưu trên web (Phụ nữ có thai hay nghi ngờ có thai không chụp –Chụp khi có chỉ định của Bác sĩ)	x	x	523	
14	Điện tim	Kỹ thuật thăm dò chức năng . phát hiện các dấu hiệu bệnh lý về tim mạch	x	x	523	
15	Vi nấm soi tươi (Soi tươi dịch âm đạo)& Vi khuẩn nhuộm soi [soi tươi dịch âm đạo]	Chẩn đoán các bệnh lý viêm nhiễm âm đạo: vi khuẩn, nấm...Chỉ thực hiện khi khám phụ khoa		x	228	Áp dụng cho CBNV Nữ

16	XN tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	Dành cho nữ giới, đã lập gia đình, thực hiện khi khám Phụ khoa – Phát hiện sớm ung thư cổ tử cung - Áp dụng cho cán bộ Nữ đã quan hệ tình dục - Không làm với phụ nữ có thai (chỉ thực hiện khi khám phụ khoa)	x		228	Áp dụng cho CBNV Nữ
Xét nghiệm máu và nước tiểu						
17	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Phân tích 11 thông số: Các bệnh đái tháo đường, nhiễm xeton, đái nhạt, bệnh lý gan thận, , bệnh viêm tắc đường tiết niệu, đái máu...phát hiện sớm ngộ độc thai nghén	x	x	523	
18	Định lượng Creatinin niệu + Định lượng MAU (Micro Albumin Arine) [niệu] + Tỷ lệ UACR	Sàng lọc sớm bệnh thận mạn	x	x	523	
19	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	Phân tích 24 thông số....phát hiện các bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu, thiếu máu, suy tủy, ung thư máu...sốt do nhiễm trùng, do virus...	x	x	523	
20	Định lượng Glucose [Máu]	Xác định mức độ đường trong máu	x	x	523	
21	Định lượng HbA1c [Máu]	Chẩn đoán và theo dõi bệnh đái tháo đường	x	x	523	
22	Định lượng (Ure – Creatinin) [Máu] Renal function	Chức năng thận- phát hiện các bệnh lý về thận....	x	x	523	
23	Đo hoạt độ (GOT – GPT) [Máu] Liver function	Chức năng gan: viêm gan cấp, mãn tổn thương nhu mô gan...	x	x	523	
24	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Chức năng gan: đánh giá viêm gan do rượu, tổn thương tế bào gan...	x		295	
25	Định lượng (Cholesterol, HDL-C, LDL-C, Triglycerit) [Máu] Lipid profile	Xác định tỷ lệ mỡ trong máu: phát hiện hội chứng rối loạn chuyển hóa Lipid, nguy cơ xơ vữa động mạch, tăng huyết áp, nhồi máu cơ tim....	x	x	523	
26	Định lượng (Calci toàn phần, Calci ion hóa) [Máu]	Đánh giá liên quan đến chức năng tuyến cận giáp và chuyển hóa canxi	x	x	523	
27	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]	Xét nghiệm dấu ấn ung thư tuyến giáp	x	x	157	Lấy bằng 30% CBNV Cơ quan
28	Định lượng Anti-Tg (Antibody-	Xét nghiệm dấu ấn ung thư tuyến giáp	x	x	157	Lấy bằng 30% CBNV Cơ quan

	Thyroglobulin) [Máu]					
29	Định lượng Ferritin	Xác định nồng độ sắt trong cơ thể	x	x	523	
30	Định lượng sắt huyết thanh	Xác định nồng độ sắt trong cơ thể	x	x	523	
31	Định lượng Acid Uric [Máu]	Xác định bệnh Gout – bệnh lý về khớp	x	x	523	
32	HBsAg miễn dịch tự động	Xác định viêm gan B	x	x	523	
33	HBsAb định lượng	Xác định kháng thể viêm gan B	x	x	523	
34	HCV Ab miễn dịch tự động	Xác định Viêm gan C	x	x	523	
35	Định lượng 25OH Vitamin D (D3) [Máu]	Định lượng Vitamin D áp dụng cho nữ ≤ 55 Tuổi		x	207	Áp dụng cho nữ ≤ 55 Tuổi
Khám chuyên sâu cận lâm sàng						
36	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí]	Đo bằng phương pháp DXA: Hấp thụ tia X năng lượng kép – cho phép đánh giá MĐX ở các xương trung tâm – Cổ xương đùi và cột sống thắt lưng - đây là tiêu chuẩn vàng để chẩn đoán loãng xương do tổ chức Y tế thế giới công nhận. áp dụng cho CB ≥ 45 tuổi - Không làm với phụ nữ có thai	x	x	352	Áp dụng cho CBNV ≥ 45 tuổi
37	Chụp Xquang tuyến vú [2 bên]	Áp dụng cho cán bộ ≥ 40 tuổi, < 40 tuổi theo chỉ định Bác sĩ		x	228	Áp dụng cho cán bộ ≥ 40 tuổi, < 40 tuổi theo chỉ định Bác sĩ
Xét nghiệm máu chuyên sâu						
38	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	XN dấu ấn ung thư đường tiêu hóa	x	x	305	
39	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	XN dấu ấn ung thư tiền liệt tuyến dành cho CBNV trên 45 tuổi	x		219	Áp dụng cho CBNV Nam ≥ 45 Tuổi
40	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	XN dấu ấn ung thư Gan	x	x	305	
41	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [Máu]	XN dấu ấn ung thư vú		x	228	Áp dụng cho CBNV Nữ

42	Định lượng CA ¹²⁵ (cancer antigen 125) [Máu]	XN dấu ấn ung thư buồng trứng		x	228	Áp dụng cho CBNV Nữ
43	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	XN dấu ấn ung thư tụy, mật	x	x	305	
44	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu]	XN dấu ấn ung thư dạ dày	x	x	305	
45	Định lượng Cyfra 21- 1 [Máu]	XN dấu ấn ung thư phổi	x	x	305	
46	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]	XN dấu ấn ung thư vòm	x	x	305	
47	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Chức năng tuyến giáp	x	x	305	
48	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Chức năng tuyến giáp	x	x	305	
49	Định lượng Testosterol [Máu]	Hormone sinh dục Nam giới	x		219	Áp dụng cho CBNV Nam ≥ 45 Tuổi
50	Định lượng Estradiol [Máu]	Xét nghiệm Hormone	x		219	Áp dụng cho CBNV Nam ≥ 45 Tuổi
51	Xét nghiệm giải trình tự gen phát hiện CTDNA từ tế bào ung thư, tầm soát 10 loại ung thư phổ biến nhất (Vú, Phổi, Gan, Dạ dày, Đại - trực tràng)	Hỗ trợ tầm soát phát hiện sớm 10 loại ung thư (Vú, Phổi, Gan - Đường mật, Dạ Dày, Đại trực tràng, Thực Quản, Nội mạc tử Cung, Buồng Trứng, Tụy, Đầu - Cổ 2) dựa trên ctDNA (1) phóng thích từ khối u.	x	x	218	Dành cho CBNV ≥ 50 tuổi và cấp quản lý
52	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence) [PIVKA II]	Xét nghiệm phát hiện sớm ung thư biểu mô gan (Áp Dụng cho cán bộ có tiền sử Viêm gan B dương tính)	x	x	105	Lấy bằng 20% CBNV Cơ quan
Theo chỉ định của bác sỹ						
53	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết [tiền mê]	Theo chỉ định của Bác sỹ	x	x	52	Lấy bằng 10% CBNV Cơ quan
54	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	Theo chỉ định của Bác sỹ	x	x	52	Lấy bằng 10% CBNV Cơ quan

55	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết [tiền mê]	Theo chỉ định của Bác sỹ	x	x	52	Lấy bằng 10% CBNV Cơ quan
56	Nội soi dạ dày tiền mê + Nội soi Đại Tr tràng tiền mê	Theo chỉ định của Bác sỹ	x	x	52	Lấy bằng 10% CBNV Cơ quan
57	HBV đo tải lượng hệ thống tự động	Theo chỉ định của Bác sỹ (Áp dụng cho cán bộ bị Viêm gan B hoặc HBsAg(+))	x	x	52	Lấy bằng 10% CBNV Cơ quan
58	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u (từ 1-32 dãy) [không tiêm thuốc cản quang]	Theo chỉ định của Bác sỹ (Sàng lọc chuyên sâu các bệnh lý về phổi)	x	x	52	Lấy bằng 10% CBNV Cơ quan

3.3 Các yêu cầu khác

- Yêu cầu về quy trình lấy, bảo quản mẫu xét nghiệm

+ Đảm bảo bố trí các bàn lấy mẫu phải được tiệt trùng sạch sẽ, khu vực để nước tiểu phải có bảng chỉ dẫn rõ ràng.

+ Quy trình lấy mẫu xét nghiệm cụ thể, khoa học, an toàn, vật tư y tế phục vụ việc lấy mẫu, bảo quản mẫu theo đúng quy định.

+ Nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo sắp xếp đủ cán bộ nhân viên có chuyên môn lấy mẫu xét nghiệm tại địa điểm đảm bảo đáp ứng phụ vụ tốt theo số lượng cán bộ nhân viên và đảm bảo tiến độ lấy mẫu cho toàn bộ cán bộ nhân viên.

- Yêu cầu giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ khám sức khỏe:

+ Chuẩn bị hồ sơ trước khi tiến hành lấy mẫu xét nghiệm đảm bảo khoa học dễ tìm, không ùn tắc.

+ Đảm bảo có kết quả xét nghiệm trước khi tiến hành khám tập trung.

+ Cam kết về tổng thời gian cho 01 (một) lượt khám gồm khám tổng quát, chuyên khoa, siêu âm, chụp Xquang (cận lâm sàng), khám đủ các chuyên mục không quá 4 giờ đồng hồ.

- Yêu cầu khác

Nhà thầu có cam kết trong trường hợp cán bộ nhân viên vì lý do bất khả kháng mà không thể khám sức khỏe tập trung (đi công tác nước ngoài....) không thể lấy xét nghiệm, khám, kiểm tra sức khỏe tập trung thì nhà thầu phải hỗ trợ để cán bộ nhân viên khám tại cơ sở y tế.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương IV, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận:

- Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ khám sức khỏe phải đảm bảo hợp lý, khả thi, phù hợp và đáp ứng yêu cầu.

- Quy trình lấy mẫu, quy trình khám sức khỏe định kỳ hợp lý, phù hợp, khoa học đầy đủ các danh mục khám đáp ứng yêu cầu.

- Thuyết minh quy trình khám và đảm bảo thông tin khách hàng theo đúng quy định hiện hành.

2. Kế hoạch công tác:

- Tổ chức dịch vụ khám khả thi, đảm bảo chất lượng, phối hợp tiếp cận hồ sơ khám, lấy mẫu xét nghiệm, chuẩn bị bố trí mặt bằng tiếp đón, khám bệnh phù hợp với số lượng người tham gia khám, đảm bảo có sự giãn cách, không tập trung quá đông người trong khu vực khám.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Công việc kiểm tra việc cung cấp dịch vụ sẽ được tiến hành cùng với quá trình cung cấp dịch vụ.

- Sau khi công tác khám sức khỏe hoàn tất, nhà thầu cần cung cấp:

- + Sổ khám sức khỏe của cán bộ của tất cả cán bộ đã tham gia khám sức khỏe. Kết quả thể hiện đúng tình trạng sức khỏe chung và chức năng của cơ quan trong cơ thể. Các sổ khám được giao về cho Chủ đầu tư yêu cầu.

- + Có tư vấn các dấu hiệu bệnh lý, kê đơn, hướng dẫn sử dụng thuốc theo đơn, chế độ ăn uống sinh hoạt cụ thể cho người tham gia khám và tư vấn sức khỏe phù hợp (nếu có).

- + Lập bảng tổng hợp kết quả khám của toàn bộ người tham gia khám, có phân loại sức khỏe kèm theo phương hướng điều trị, nhận xét, khuyến cáo và hướng giải quyết về tình hình sức khỏe của cán bộ đối với đơn vị theo dõi sức khỏe cán bộ.

- + Bác sỹ của Bệnh viện chủ động tư vấn cho từng người khám sau khi có kết quả khám (đối với trường hợp có chỉ số khám sức khỏe khác thường cần lưu ý) những trường hợp khác có thể gọi điện cho bác sỹ để tư vấn chuyên sâu.

- Nghiệm thu theo thực tế.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: /

Gợi thầu: Khám sức khỏe tổng quát cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Căn cứ:

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước CHXHCNVN ban hành ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Biên bản
- Căn cứ Quyết định số ____/QĐ-CNNL ngày ____/____/2026 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói thầu “Khám sức khỏe tổng quát cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam”.
- Nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, Chúng tôi gồm:

1. TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Tp Hà Nội

Điện thoại: 04. 38252526

Fax: 04. 38265942

Tài khoản:

Tại:

MST:

Đại diện: Chức vụ:

2. (sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

MST:

Tài khoản:

Tại: Ngân hàng

Đại diện: Ông Chức vụ:

Chức vụ:

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các Bên, hai Bên thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ với những điều khoản như sau (sau đây gọi là Hợp đồng):

Điều 1. Phạm vi công việc:

- Bên A đồng ý mua gói dịch vụ “Khám sức khỏe tổng quát cho Cán bộ nhân viên cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam” của Bên A được Bên B thực hiện theo các hạng mục chi tiết được mô tả tại - Phụ lục đính kèm.
- Danh sách CBNV sẽ được Bên A xác nhận và gửi sang cho người đại diện liên lạc của Bên B trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc cho từng dịch vụ khám. Danh sách có thể thay đổi, bổ sung bởi Bên A và khi đó Bên A sẽ thông báo và gửi danh sách điều chỉnh cho Bên B.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng:

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- Hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
- Biên bản -----;
- Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Địa điểm và thời gian:

3.1 Địa điểm và Thời gian lấy mẫu xét nghiệm tập trung

- Địa điểm: Tại trụ sở cơ quan Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam – Số 18 Láng Hạ - Giảng Võ – Hà Nội;
- Thời gian: Theo thỏa thuận trong biên bản làm việc.

3.2 Địa điểm và Thời gian Khám sức khỏe tập trung

- Địa điểm: Theo địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu;
- Thời gian: Theo đề xuất của Nhà thầu trúng thầu.

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng và loại hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 5. Những lưu ý và thông tin liên hệ

5.1 Những lưu ý: Theo khuyến cáo của Nhà thầu

5.2 Thông tin liên hệ: Theo đề xuất của Nhà thầu

Điều 6. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

6.1 Giá trị hợp đồng

- Giá trị hợp đồng (Đã bao gồm các loại thuế, phí và phụ phí liên quan) là:
- Đơn giá (Đã bao gồm các loại thuế, phí và phụ phí liên quan) cho từng dịch vụ khám sức khỏe được quy định chi tiết trong Phụ lục đính kèm.

(Bảng giá chi tiết quy định tại Phụ lục kèm theo)

6.2 Hình thức và Phương thức thanh toán

Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B, bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao kết quả khám sức khỏe (có xác nhận chữ ký của 02 bên gồm: Hồ sơ khám, kết quả khám sức khỏe của CBNV bên A đã tham gia khám bệnh, bảng báo cáo tổng kết kết quả khám chi tiết của từng CBNV trên bảng excel);
- Biên bản xác nhận khối lượng, giá trị được 2 bên xác nhận;
- Hoá đơn tài chính hợp lệ;
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- Chứng từ liên quan (nếu có).

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản Bên B ghi trong Hợp đồng.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Trước khi ký hợp đồng nhà cung cấp trúng thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo đảm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% (Ba) giá trúng thầu;
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày ngân hàng phát hành chứng thư bảo lãnh;

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ các bên

8.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Được Bên B cung cấp Dịch Vụ như quy định tại Hợp Đồng này và theo tiêu chuẩn chất lượng của Bên B và theo yêu cầu của Bên A nêu tại Hợp Đồng này.
- Cung cấp danh sách dự kiến CBNV của Bên A trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp Đồng. Danh sách bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin cơ bản sau: Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, giới tính, chức vụ.
- Có nghĩa vụ nhắc nhở CBNV thực hiện đầy đủ các hạng mục khám thể hiện trong Phụ lục kèm theo của Hợp Đồng này. Trong trường hợp CBNV yêu cầu khám thêm các hạng mục phát sinh không có trong quy định tại Phụ lục kèm theo thì CBNV đó tự thực hiện hạng mục phát sinh thêm và tự chịu chi phí cho việc khám thêm phát sinh (nếu có) theo thủ tục thanh toán của Bên B.
- Hợp tác đầy đủ với Bên B trong việc thực hiện các nghĩa vụ hỗ trợ của mình.
- Cử một CBNV đại diện có trách nhiệm: Phối hợp thực hiện các phần công việc liên quan đến Hợp đồng này; nhận hồ sơ khám sức khỏe của CBNV khi Bên B bàn giao.

- Có trách nhiệm hướng dẫn, quy định quy trình về việc thực hiện dịch vụ khám sức khỏe của Bên B cho CBNV Bên A biết được trước khi đến lấy mẫu xét nghiệm và khám bệnh tại địa điểm thực hiện dịch vụ do Bên B tổ chức.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp đầy đủ về nhân lực và thiết bị chuyên môn phù hợp để tổ chức khám bệnh theo yêu cầu của Bên A.
- Thực hiện việc khám bệnh cho CBNV của Bên A theo đúng các hạng mục đã được quy định tại Hợp đồng và cử các giáo sư, bác sỹ, kỹ thuật viên phụ vụ khám và xét nghiệm theo đúng trong Hợp đồng.
- Cử một người đại diện có trách nhiệm phối hợp với người đại diện Bên A để thông báo, trao đổi những dịch vụ liên quan đến dịch vụ khám sức khỏe như theo yêu cầu của Hợp đồng.
- Có trách nhiệm gửi các hướng dẫn, quy định qui trình về việc thực hiện dịch vụ của Bên B cho Bên A trước ngày bắt đầu lấy mẫu vật phẩm xét nghiệm/khám bệnh ít nhất 3 ngày để Bên A phổ biến các quy định, hướng dẫn cho CBNV của Bên A biết được trước khi đến lấy mẫu xét nghiệm và khám bệnh tại địa điểm thực hiện Dịch Vụ do Bên B tổ chức.
- Trường hợp CBNV của Bên A không sắp xếp được thời gian lấy mẫu xét nghiệm theo thời gian đã đăng ký, tùy vào thực tế của Bên B, Bên B sẽ bố trí lịch lấy mẫu xét nghiệm trong ngày khám hoặc một lịch trình khác do Bên B sắp xếp dựa trên tình hình tại thời điểm.
- Hồ sơ báo cáo kết quả khám sức khỏe gửi cho CBNV của của Bên A sau khi cung cấp dịch vụ cho CBNV của Bên A trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khám, gồm:
 - + Kết quả khám của từng CBNV bản cứng.
 - + Kết luận sức khỏe trong Hồ sơ của từng CBNV phải chi tiết và có tư vấn cụ thể (Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh).
 - + Báo cáo kết quả khám sức khỏe.
- Hồ sơ khám sức khỏe gửi cho cán bộ đại diện của Bên A sau khi cung cấp dịch Vụ cho Bên A trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khám, gồm:
 - + Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe bản mềm.
 - + Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe bản cứng.
- Bên B cam kết cung cấp đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các kết quả xét nghiệm và khám.
- Bên B cam kết không sử dụng các thông tin của CBNV của Bên A ngoài mục đích theo quy định tại Hợp Đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản chung

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp nào phát sinh thì hai bên cùng bàn bạc, giải quyết, thương lượng trên tinh thần bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.
- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp, các bên có quyền giải quyết tranh chấp theo thủ tục tố tụng của Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam. Mọi chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu.
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng.
- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện hợp đồng.
- Không một bên nào trong hợp đồng được chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng của mình cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày
- Hợp đồng được lập thành 4 bộ, Chủ đầu tư giữ 2 bộ, Nhà thầu giữ 2 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

DANH MỤC THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo biểu mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSMT và các thỏa thuận đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc].



BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Kính gửi: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____
[ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ mời thầu (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.